

Bản án số: 61/2022/HS-ST  
Ngày 31/8/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Duy Luân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hoàng Thị Len và ông Phạm Quang Hưng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Tiến Thành-Thư ký TAND tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:**  
Ông Vũ Kỳ Ánh-Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số:54/2022/TLST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2022 đối với:

Bị cáo **Nguyễn Q**, sinh năm 1956; Giới tính: Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 2, thị trấn Q1, huyện Q Phụ, tỉnh Thái Bình. Trình độ văn hóa: 10/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Con ông Nguyễn Xuân C và bà Đỗ Thị S (đều đã chết). Gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất. Có vợ là Phạm Thị T và 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 1976 đến năm 1983 đi bộ đội. Ngày 22/4/1985 bị Tòa án quân sự Quân đoàn 4 xử phạt 04 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa” và 01 năm tù về tội “Đào ngũ” theo Bản án số 04/AK-85 ngày 22/4/1985 của Tòa án quân sự Quân đoàn 4. Ngày 12/9/1987 chấp hành xong hình phạt tù

Bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã ngày 22/01/2022 tại phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, bị tạm giữ từ ngày 23/01/2022 đến ngày 26/01/2022 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình. Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

**\* Bị hại:**

- Ông Đoàn Xuân G, sinh năm 1964, trú tại thôn Lạc Thiện, xã Đ1, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình (có mặt);

- Anh Bùi Chí L, sinh năm 1977, trú tại thôn Kiên Xá, xã Nguyên Xá, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (vắng mặt);

- Ông Trần Đăng T, sinh năm 1959, trú tại thôn Tài Giá, xã Q3, huyện Q Phụ, tỉnh Thái Bình (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt);

- Bà Vũ Thị A, sinh năm 1978, trú tại thôn Cần Phán, xã Q2, huyện Q Phụ, tỉnh Thái Bình (có mặt);

- Ông Thái Xuân C, sinh năm 1969, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 22, đường N, khối V, phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Số nhà 91, đường T, xã H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt);

- Ông Lê Anh D, sinh năm 1984, trú tại khối I, phường Nghi Tân, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt);

- Bà Phạm Thị Sáu, sinh năm 1962, trú tại thôn Tây Ninh, xã Yên Sơn, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

***\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980, trú tại thôn Tân Thái, xã Q Hồng, huyện Q Phụ, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

***Người làm chứng:***

- Bà Trần Thị T1 (Trần Thị Hồng T1), sinh năm 1961, trú tại thôn Thanh Đông, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình (có mặt);

- Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1979, trú tại: Thôn K, xã N, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Chí C; trú tại thôn Lạc Thiện, xã Đ1, huyện T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1986, trú tại xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

- Ông Hoàng Hồng D, sinh năm 1972, trú tại khối 1, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An (vắng mặt);

- Ông Đào Như H, sinh năm 1949, trú tại thôn T, xã A, huyện Q Phụ, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1957, trú tại xã Q, huyện Q Phụ, tỉnh Thái Bình (vắng mặt);

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1962, trú tại xã Q2, huyện Q Phụ, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

- Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1976, trú tại thôn 5, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

- Ông Vũ Văn N, sinh năm 1952, nơi cư trú tổ dân phố số 2, thị trấn T, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

- Bà Trương Thị T, sinh năm 1950, nơi cư trú tại thôn Đ, xã N, huyện Tiền Hải,

tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Q là lao động tự do, không có chức năng, nhiệm vụ đưa người đi xuất khẩu lao động. Lợi dụng nhu cầu nhiều gia đình muốn người thân đi lao động xuất khẩu nước ngoài nhưng thiếu thông tin về lĩnh vực này, Nguyễn Q thông qua các mối quan hệ quen biết với một số người làm tại các văn phòng giao dịch đưa người đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài tại Thái Bình và biết các thủ tục để đưa người đi xuất khẩu lao động nên Q đã đưa ra các thông tin gian dối về bản thân làm tại các công ty, văn phòng giao dịch có chức năng đưa người đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc giới thiệu với bà Trương Thị Thái (Trưởng văn phòng giao dịch Công ty trách nhiệm hữu hạn Vĩnh Thắng Hải Phòng chi nhánh thành phố Thái Bình); bà Đoàn Thị Hường (Trưởng văn phòng giao dịch Công ty KBL) và ông Nguyễn Văn T (Trưởng văn phòng giao dịch Công ty trách nhiệm hữu hạn Vĩnh Thắng Hải Phòng chi nhánh thị trấn Q1, huyện Q Phụ, tỉnh Thái Bình) là Q có chức năng tuyển dụng người đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc đề nghị bà Thái, bà Hường, ông Thành tìm những người có nhu cầu đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc để tư vấn với mức thu từ 120.000.000 đồng đến 130.000.000 đồng/người để được nhận tiền “hoa hồng” từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng theo từng cá nhân giới thiệu. Tin tưởng lời Q, từ tháng 5/2006 đến tháng 11/2006 bà Hường, ông Thành, bà Thái đã giới thiệu cho Q 04 người nộp hồ sơ và giao tiền để làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Nguyễn Q còn tự đưa ra các thông tin gian dối như trên về đưa người đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc và Úc đã trực tiếp nhận tiền và hồ sơ của 03 người. Sau khi nhận tiền, hồ sơ, Q rút hồ sơ đi, còn tiền chi tiêu cá nhân, sau bỏ trốn khỏi địa phương. Cụ thể:

#### ***1. Chiếm đoạt của ông Đoàn Xuân G 2.000 USD và 51.000.000 đồng.***

Tháng 7/2006, do có nhu cầu đưa con trai là anh Đoàn Văn Dũng, sinh năm 1988 và anh Vũ Đức Chiến, sinh năm 1985, trú tại tổ dân phố số 2, thị trấn Tiền Hải, tỉnh Thái Bình (là con trai ông Vũ Văn Nga) đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc nên ông G và ông Nga đến nhà bà Trần Thị Hồng T1 (Trần Thị T1), là cô họ của ông G) nhờ giới thiệu giúp người làm thủ tục đi xuất khẩu lao động. Bà T1 đến gặp bà Đoàn Thị Hường và được bà Hường giới thiệu cho ông Nguyễn Văn T tư vấn. Do trước đó, ông Nguyễn Văn T đã được Q nói dối có chỉ tiêu đưa người đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc của Bộ Quốc phòng với chi phí mỗi người phải nộp khoảng 10.000 USD và phải nộp ngay mỗi người 20.000.000 đồng để làm hồ sơ, đi trong năm 2006. Bà

T1 nhờ ông Thành làm các thủ tục đưa ông Dũng và ông Chiến đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Sau đó bà T1 thông báo lại cho ông G và ông Nga, được hai ông đồng ý nộp cho bà T1 20.000.000 đồng/người và hồ sơ xuất khẩu lao động của anh Dũng và anh Chiến. Ngày 01/8/2006 bà T1 chỉ nộp cho ông Thành 02 bộ hồ sơ của anh Dũng và anh Chiến cùng số tiền 10.000.000 đồng. Ngày 05/8/2006, khi ông Thành đến nhà bà T1 để đón anh Dũng và anh Chiến đi học ngoại ngữ tại Hà Nội, bà T1 nộp tiếp 10.000.000 đồng cho ông Thành và nói sau này anh Dũng và anh Chiến hoàn tất các thủ tục bay sang Hàn Quốc lao động sẽ nộp 20.000.000 đồng còn lại. Ngay lúc đó, ông Thành có đưa lại cho bà T1 6.000.000 đồng để bà T1 đưa lại cho anh Dũng và anh Chiến mỗi người 3.000.000 đồng nộp học phí học tiếng Hàn Quốc. Sau đó, ông Thành giao cho bà Trương Thị Thái 10.000.000 đồng để bà giao cho Q, còn 4.000.000 đồng giữ lại sử dụng chi tiêu cá nhân. Theo thỏa thuận từ trước, Q chịu trách nhiệm dẫn anh Dũng và anh Chiến đi học tiếng Hàn Quốc tại Hà Nội. Sau một thời gian, Q liên hệ, trao đổi trực tiếp với ông Nga và ông G về việc để cho anh Dũng và anh Chiến đi xuất khẩu lao động theo hình thức vừa học vừa làm, được 02 gia đình đồng ý.

Q yêu cầu hai gia đình nộp ngay mỗi người 2000 USD để làm hồ sơ, thủ tục. Ngày 13/8/2006, ông G và ông Nga giao 2000 USD/người tổng 4000USD cho bà T1 để giao cho Q. Cuối tháng 8/2006, Q gọi điện cho ông Nga và ông G đề nghị nộp thêm mỗi gia đình 1000 USD và nhờ bà T1 thu hộ, ông Nga nộp 1000 USD và ông G nộp 16.000.000 đồng (tương đương 1000 USD) cho bà T1. Ngày 08/9/2006, Q đến nhà bà T1 nhận 1000 USD và 16.000.000 đồng. Đầu tháng 10/2006, bà T1 nghi ngờ Q không minh bạch trong việc giao nhận tiền và hồ sơ, khuyên ông G, ông Nga rút tiền về, không nhờ Q làm thủ tục nữa. Gia đình ông Nga xin rút lại toàn bộ số tiền đã giao cho Q, không làm hồ sơ thủ tục cho ông Chiến nữa, Q đã trả lại toàn bộ số tiền đã nhận của gia đình ông Nga. Gia đình ông G vẫn tiếp tục nhờ Q lo giúp thì Q yêu cầu nộp 2.000 USD nữa. Ngày 25/10/2006, tại nhà bà T1, ông G nộp 32.000.000 đồng (tương đương 2000 USD) cho Q. Sau khi giao tiền bà Hương lập biên bản giao nhận tiền với nội dung: Nguyễn Q có nhận của ông G tổng số tiền là 5.000 USD và 20.000.000 đồng, cam kết Nguyễn Q có trách nhiệm đưa anh Dũng đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc trước ngày 30/12/2006, nếu không lo được thì Q phải trả lại ông G toàn bộ số tiền đã nhận. Sau khi nhận tiền, Q không thực hiện cam kết, chiếm đoạt chi tiêu cá nhân hết. Đến hẹn anh Dũng không đi lao động xuất khẩu tại Hàn Quốc được, ông G yêu cầu Q trả lại tiền thì Q không trả lại tiền, bỏ trốn khỏi địa phương. Q chiếm đoạt của ông G tổng 2.000 USD (tương đương 31.940.000 đồng) và 51.000.000 đồng.

## **2. Chiếm đoạt của ông Bùi Chí L 2.000 USD và 18.000.000 đồng:**

Do ông Linh có nhu cầu muốn đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, tháng 7/2006, thông qua bà Đoàn Thị Hương giới thiệu, ông Linh đến gặp ông Nguyễn Văn T nhờ tư vấn. Khi gặp ông Linh, ông Thành tư vấn những nội dung đã được Q trao đổi rồi nhận lời giúp ông Linh làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc với chi phí khoảng 145.000.000 đồng và nếu ông Linh đồng ý, phải nộp đặt cọc 20.000.000 đồng, ông Linh đồng ý. Ngày 05/8/2006, tại Văn phòng của bà Hương, ông Linh nộp cho ông Thành 10.000.000 đồng. Sau đó, ông Thành đưa ông Linh đến Văn phòng Công ty trách nhiệm hữu hạn Vĩnh Thắng tại phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình. Tại đây, ông Thành đưa cho Q 10.000.000 đồng và giới thiệu ông Linh với Q. Q trực tiếp nói với ông Linh, bản thân Q là người có chức năng tuyển dụng đưa người đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc và cam kết trong thời gian 01 tháng là hoàn tất các thủ tục để ông Linh đi xuất khẩu lao động. Sau đó, Q đưa ông Linh, ông Dũng, ông Chiến đi học tiếng Hàn Quốc tại Hà Nội thì Q trao đổi phải nộp tiền học tiếng mỗi người 3.000.000 đồng. Ngày 11/8/2006, theo yêu cầu của Q, ông Linh nộp cho Q 2000 USD, Q có viết 01 Hợp đồng thỏa thuận có nội dung cam kết có trách nhiệm làm toàn bộ thủ tục cho ông Linh đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc với chi phí 9000 USD, ký tên người nhận tiền là Nguyễn Phúc Q mục đích để che giấu tên thật. Ngày 10/9/2006, Q tiếp tục yêu cầu ông Linh nộp tiếp 8.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Q không thực hiện cam kết, sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Tổng số tiền Q chiếm đoạt của ông Linh là 2.000 USD (tương đương 31.934.000 đồng) và 18.000.000 đồng.

## **3. Chiếm đoạt của ông Trần Đăng T 1000 USD:**

Tháng 5/2006, do có nhu cầu đưa con trai là Trần Đăng Trường đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Thông qua ông Đào Như Hùng, làm tại Công ty thương mại Bình Dương giới thiệu Q là cán bộ đào tạo tuyển dụng của Quân khu thủ đô, có chức năng làm các thủ tục đưa người đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Ông T tìm gặp Q để hỏi về việc làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, được Q nhận lời, cam kết đưa anh Trường đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc chi phí 10.500 USD đến ngày 30/10/2006 anh Trường sẽ được đi lao động tại Hàn Quốc và phải nộp trước 2000 USD. Ngày 20/10/2006, ông T nộp cho Q 1000 USD và 16.000.000 đồng. Khi nhận tiền, Q viết cho ông T hợp đồng tuyển dụng với nội dung Q đại diện cho bên tuyển dụng có trách nhiệm lo toàn bộ thủ tục để đưa anh Trường đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, đến ngày 30/10/2006 anh Trường không được đi xuất khẩu lao động thì Q phải có trách nhiệm hoàn trả 2000 USD cho ông T. Sau khi nhận tiền, Q không thực hiện cam kết, sử dụng tiền chi tiêu cá nhân, khi ông T yêu cầu trả lại tiền

thì Q đã trả lại cho ông T 16.000.000 đồng vào ngày 25/12/2006. Q chiếm đoạt của ông T 1.000 USD (tương đương 16.032.000 đồng).

#### **4. Chiếm đoạt của vợ chồng bà Vũ Thị A 39.000.000 đồng:**

Tháng 9/2006, do có nhu cầu cho chồng là ông Phạm Văn Triều đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, qua giới thiệu của bà Nguyễn Thị Ca, gia đình bà Vũ Thị A đến gặp Q để nhờ tư vấn. Q giới thiệu là người của Công ty có chức năng đưa người Việt Nam đi xuất khẩu lao động sang các nước với chi phí chọn gói là 10.000 USD, nếu gia đình bà Anh đồng ý thì phải nộp trước 42.000.000 đồng, trong đó có 3.000.000 đồng học phí học tiếng Hàn Quốc. Ngày 01/10/2006, Q tự viết tay một Hợp đồng thỏa thuận cam kết hai bên với nội dung: Q đại diện Công ty xuất khẩu lao động định hướng nước ngoài cam kết làm các thủ tục để đưa ông Triều đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc trong thời gian 3 tháng, nếu ông Triều không xuất khẩu lao động được thì Q phải có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền gia đình bà Anh đã nộp, rồi ký tên Nguyễn Phúc Q. Bà Anh nộp cho Q 30.000.000 đồng. Ngày 07/10/2006, gia đình bà Anh nộp tiếp cho Q 9.000.000 đồng. Sau đó, Q đưa ông Triều đi học tiếng Hàn Quốc tại Hà Nội, ông Triều đóng học phí 3.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền Q không làm gì, sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Đến hạn ông Triều không được đi xuất khẩu lao động, bà Anh liên tục tìm Q để đòi tiền, Q không có tiền trả đã viết giấy hẹn với nội dung hẹn đúng đến ngày 02/01/2007 sẽ trả đủ số tiền 42.000.000 đồng đưa cho bà Anh. Sau đó bỏ trốn khỏi địa phương chiếm đoạt 39.000.000 đồng.

#### **5. Chiếm đoạt của ông Thái Xuân C 10.000 USD:**

Năm 1992-1993, Q vào thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An buôn bán đồ điện tử quen biết ông Hoàng Văn Kiện là anh trai của ông Hoàng Hồng Diệm, khi gặp ông Diệm, Q giới thiệu bản thân là người của Trung tâm xúc tiến việc làm xuất khẩu lao động thuộc Bộ Giao thông vận tải có chức năng đưa người đi xuất khẩu lao động tại Australia (Úc) để làm công việc hái nho, làm bánh mì... Ông Diệm biết ông Thái Xuân C công tác tại Đồn biên phòng cửa khẩu cảng Cửa Lò - Bến Thủy có nhu cầu đưa em trai và cháu đi xuất khẩu lao động tại Australia nên đã giới thiệu Q gặp ông Cường. Khi gặp ông Cường, Q nói 02 chỉ tiêu đi xuất khẩu tại Úc với chi phí 15.000 USD/người, nếu ông Cường muốn em và cháu đi thì phải nộp trước 5000 USD/người, thấy Q nói vậy ông Cường đồng ý. Ngày 24/10/2006, Q trực tiếp vào thị xã Cửa Lò dẫn em trai ông Cường là ông Thái Văn Chín và cháu ông Cường là bà Nguyễn Ánh Ngọc đi học tiếng tại Hà Nội. Ngày 04/11/2006, Q đến nhà ông Cường để thu tiền đặt trước, ông Cường đưa cho Q 10.000 USD. Khi nhận tiền, Q viết Giấy ủy quyền (thay biên nhận) với nội dung: ông Cường đã nộp cho Q số tiền 10.000 USD để Q làm các thủ tục cho em và cháu ông Cường đi xuất khẩu lao động, nếu

đến ngày 30/12/2006, em và cháu ông Cường không đi xuất khẩu lao động được thì Q có trách nhiệm hoàn trả lại 10.000 USD. Sau khi nhận tiền, Q không thực hiện theo cam kết, chi tiêu cá nhân hết chiếm đoạt của Cường 10.000 USD (tương đương 160.530.000 đồng).

**6. Chiếm đoạt của ông Lê Anh D 1.000 USD:**

Do có nhu cầu đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, thông qua ông Hoàng Hồng Diệm giới thiệu, tháng 10/2006, ông Lê Anh D liên hệ với Q nhờ tư vấn đi xuất khẩu lao động. Q giới thiệu bản thân làm việc tại văn phòng chuyên làm về xuất khẩu lao động ở Hà Nội có chức năng đưa người đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc trong khoảng thời gian 35 ngày với chi phí trọn gói là 13.000 USD, nếu ông Dương đồng ý thì phải nộp trước cho Q 2000 USD. Ngày 26/10/2006, ông Dương cùng ông Diệm đến nhà Q tại thị trấn Q1, huyện Q Phụ, tỉnh Thái Bình đưa cho Q 1000 USD, Q viết Giấy biên nhận với nội dung: Q nhận của ông Dương 1000 USD để làm các thủ tục cho ông Dương đi xuất khẩu lao động trong tháng 11/2006, nếu không đi được, Q sẽ phải hoàn trả đủ số tiền đã nhận của ông Dương, Q ký tên Nguyễn Phúc Q. Sau khi nhận tiền, Q không thực hiện theo cam kết, chiếm đoạt tiền chi tiêu cá nhân hết, chiếm đoạt của ông Dương 1.000 USD (tương đương 16.047.000 đồng).

**7. Chiếm đoạt của bà Phạm Thị Sáu 66.940.000 đồng:**

Tháng 9/2006, qua mối quan hệ bạn bè quen biết giới thiệu, ông Nguyễn Văn Tùng nhờ bà Đoàn Thị Hường tư vấn cho ông đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Ông Tùng được bà Hường giới thiệu cho Q là người trực tiếp lo mọi thủ tục để ông Tùng đi xuất khẩu lao động. Q đồng ý sẽ làm các thủ tục để ông Tùng đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc với chi phí trọn gói là 13.000 USD, đặt cọc trước 2000 USD. Ông Tùng về hỏi ý kiến mẹ đẻ là bà Phạm Thị Sáu, được bà Sáu đồng ý. Khoảng đầu tháng 10/2006, tại nhà bà Sáu, bà Sáu đưa cho Q 10.000.000 đồng, hai bên viết bản cam kết thỏa thuận hai bên và Q ký nhận khoản tiền này, có chị Hường chứng kiến. Mấy ngày sau, Q tiếp tục gọi điện thoại cho bà Sáu yêu cầu nộp thêm 2000 USD để làm thủ tục cho ông Tùng đi xuất khẩu tại Hàn Quốc. Ngày 02/10/2006, bà Sáu và ông Tùng đem 32.140.000 đồng giao cho Q tại một quán ăn ở Hà Nội, hai bên viết giấy biên nhận Q ký tên rồi giao lại cho bà Sáu. Ngày 18/10/2006, Q đi cùng với bà Hường đến nhà bà Sáu yêu cầu nộp thêm tiền, bà Sáu đưa thêm cho Q 34.800.000 đồng. Hai bên viết giấy biên nhận tiền. Cuối tháng 11/2006, ông Tùng không được đi xuất khẩu lao động, bà Sáu gọi điện cho Q để hỏi lý do thì Q nêu ra nhiều lý do ông Tùng chưa đi được nên bà Sáu đã yêu cầu Q trả lại tiền, Q đã trả lại cho bà Sáu 10.000.000 đồng. Chiếm đoạt của bà Sáu 66.940.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Nguyễn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi

phạm tội của bản thân như nêu trên.

Cáo trạng số 54/CT-VKSTB ngày 15/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Q khai nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình như Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Q mức án tù từ 12 năm đến 13 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/01/2022, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 431.423.000 đồng cho những bị hại. Về án phí, miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không tranh luận gì với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đối với bị cáo và tiến hành các thủ tục tố tụng khác trong vụ án, các Cơ quan và người tiến hành tố tụng các cấp đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục; không ai có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì. Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng đã được tổng đạt Giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình điều tra họ đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu lập hồi 9 giờ 45 phút ngày 30/3/2007, 10/5/2007, 30/7/2007 và 23/02/2022; Biên bản làm việc lập hồi 11 giờ 35 phút ngày 23/02/2022; Công văn số 120 ngày 04/4/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh Thái Bình cung cấp thông tin tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với đồng đô la Mỹ tại thời điểm năm 2006; Căn cứ vào diễn biến khách quan hành vi của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ chứng minh khác có trong hồ sơ vụ

án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Để có tiền chi tiêu cá nhân, lợi dụng nhu cầu của nhiều gia đình muốn người thân đi lao động xuất khẩu nước ngoài nhưng thiếu thông tin về lĩnh vực này, từ tháng 5/2006 đến tháng 11/2006 bị cáo Nguyễn Q (là lao động tự do, không có chức năng, nhiệm vụ đưa người đi xuất khẩu lao động) đã nói dối về bản thân là cán bộ của cơ quan Nhà nước, của Công ty có chức năng nhận hồ sơ và làm thủ tục đưa người đi lao động xuất khẩu tại Hàn Quốc, Úc. Nguyễn Q nhận tiền, hồ sơ của 07 người ở các tỉnh Thái Bình, Thanh Hóa và Nghệ An gồm: Ông Đoàn Xuân G 82.940.000 đồng, anh Bùi Chí L 49.934.000 đồng, ông Trần Đăng T 16.032.000 đồng, bà Vũ Thị A 39.000.000 đồng; ông Thái Xuân C 160.530.000 đồng; ông Lê Anh D 16.047.000 đồng; bà Phạm Thị Sáu 66.940.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Q rút hồ sơ đi, chiếm đoạt của 07 người với tổng số tiền 431.423.000 đồng rồi bỏ trốn khỏi địa phương. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Q đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết tăng nặng định khung “Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”. Hành vi của bị cáo diễn ra trước 0 giờ ngày 01/01/2018 căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, căn cứ nguyên tắc có lợi cho bị can, bị cáo nên bị cáo bị truy tố và xét xử theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố là có căn cứ, đúng người và đúng pháp luật.

Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[2.2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu

tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó đã gây bất bình trong nhân dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, an toàn xã hội, ảnh hưởng đến chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước trong công đưa lao động Việt Nam ra nước ngoài làm việc. Do đó cần áp dụng hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng chống, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[2.3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình gây ra; bị hại là bà Phạm Thị Sáu, ông Trần Đăng T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy bị cáo tuổi là người cao tuổi, đang bị tạm giam nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[2.4] Về trách nhiệm dân sự: Những bị hại yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt. Vì vậy cần buộc bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 431.423.000 đồng cho những bị hại. Cụ thể: Buộc bị cáo phải bồi thường cho:

- Ông Đoàn Xuân G 82.940.000 đồng;
- Anh Bùi Chí L 49.934.000 đồng
- Ông Trần Đăng T 16.032.000 đồng;
- Bà Vũ Thị A 39.000.000 đồng;
- Ông Thái Xuân C 160.530.000 đồng;
- Ông Lê Anh D 16.047.000 đồng;
- Bà Phạm Thị Sáu 66.940.000 đồng.

[2.5] Về các vấn đề khác:

- Đối với bà Trương Thị Thái, bà Đoàn Thị Hương, bà Nguyễn Thị Ca, ông Đào Như Hùng, ông Hoàng Hồng Diện, bà Trần Thị Hồng T1 đều là những người giới thiệu các bị hại cho Nguyễn Q để môi giới xuất khẩu lao động, nhưng không biết Q lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại và không được hưởng lợi gì nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét, xử lý là có căn cứ.

- Đối với ông Nguyễn Văn T là người giới thiệu các bị hại cho Nguyễn Q để môi giới xuất khẩu lao động, nhưng không biết Q lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Việc ông Thành nhận 4.000.000 đồng của bà Trần Thị Hồng T1 để đưa cho Nguyễn Q, nhưng ông Thành đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Hiện ông Thành không

có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì không rõ. Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật.

[3]Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Xét bị cáo là người cao tuổi nên miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Nguyễn Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

**2. Về hình phạt:** Xử phạt bị cáo Nguyễn Q 12 ( *mười hai*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/01/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

**3. Về trách nhiệm dân sự:** Buộc bị cáo Nguyễn Q bồi thường cho:

- Ông Đoàn Xuân G, sinh năm 1964, trú tại thôn Lạc Thiện, xã Đ1, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình 82.940.000 đồng;

- Anh Bùi Chí L, sinh năm 1977, trú tại thôn Kiến Xá, xã Nguyên Xá, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình 49.934.000 đồng

- Ông Trần Đăng T, sinh năm 1959, trú tại thôn Tài Giá, xã Q3, huyện Q Phụ, tỉnh Thái Bình 16.032.000 đồng;

- Bà Vũ Thị A, sinh năm 1978, trú tại thôn Cần Phán, xã Q2, huyện Q Phụ, tỉnh Thái Bình 39.000.000 đồng;

- Ông Thái Xuân C, sinh năm 1969, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 22, đường Ngô Quyền, khối Văn Tiến, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Số nhà 91, đường Trần Thánh Tông, xóm Mỹ Hạ, xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An 160.530.000 đồng;

- Ông Lê Anh D, sinh năm 1984, trú tại khối I, phường Nghi Tân, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An 16.047.000 đồng;

- Bà Phạm Thị Sáu, sinh năm 1962, trú tại thôn Tây Ninh, xã Yên Sơn, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa 66.940.000 đồng.

**4. Về án phí:** Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự cho bị cáo

**5. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 31/8/2022. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại Hà Nội
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an tỉnh Thái Bình;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Duy Luân**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Duy Luân**

